

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 03/2006/TT-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2006

THÔNG TƯ

Về việc hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 89/1999/NĐ-CP ngày 01/9/1999 của Chính phủ về bảo hiểm tiền gửi và Nghị định số 109/2005/NĐ-CP ngày 24/8/2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/1999/NĐ-CP

Căn cứ Nghị định số 89/1999/NĐ-CP ngày 01/9/1999 của Chính phủ về bảo hiểm tiền gửi (Nghị định số 89/1999/NĐ-CP của Chính phủ) và Nghị định số 109/2005/NĐ-CP ngày 24/8/2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/1999/NĐ-CP ngày 01/9/1999 (Nghị định số 109/2005/NĐ-CP của Chính phủ), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của các Nghị định này như sau:

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng:

- a) Tổ chức tín dụng, tổ chức không phải là tổ chức tín dụng được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhận tiền gửi của tổ chức, cá nhân phải tham gia bảo hiểm tiền gửi bắt buộc (sau đây gọi là tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi). Thông tư này không áp dụng đối với các đối tượng nhận tiền gửi được Chính phủ cho phép không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi;
- b) Khách hàng được bảo hiểm tiền gửi là các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 109/2005/NĐ-CP của Chính phủ có tiền gửi tại tổ chức tham gia

bảo hiểm tiền gửi (sau đây gọi là người gửi tiền);

c) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

2. Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của người gửi tiền là cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, các doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, trừ những trường hợp sau đây:

a) Tiền gửi của người gửi tiền là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc nắm giữ trên 10% vốn cổ phần có quyền bỏ phiếu của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đó;

b) Tiền gửi của người gửi tiền là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đó;

c) Tiền gửi dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người gửi tiền;

d) Tiền mua giấy tờ có giá vô danh do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phát hành.

Mục 2

CẤP VÀ THU HỒI CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM TIỀN GỬI

3. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cấp và thu hồi chứng nhận bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

4. Các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải hoàn tất thủ tục tham gia bảo hiểm tiền gửi trước khi bắt đầu tiến hành hoạt động nhận tiền gửi. Đối với các tổ chức đang hoạt động nhận tiền gửi nhưng chưa tham gia bảo hiểm tiền gửi thì phải hoàn tất thủ tục tham gia bảo hiểm tiền gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

5. Hồ sơ đăng ký tham gia bảo hiểm tiền gửi gồm:

a) Phiếu đăng ký tham gia bảo hiểm tiền gửi theo mẫu quy định của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

b) Quyết định thành lập và giấy phép hoạt động ngân hàng hoặc giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp;

c) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

d) Điều lệ tổ chức và hoạt động;

đ) Danh sách Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc phê chuẩn;

e) Báo cáo tài chính của năm gần nhất có xác nhận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hoặc đã được kiểm toán (nếu đã hoạt động từ một năm trở lên). Riêng đối với báo cáo tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở sẽ do Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở tự chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của báo cáo.

g) Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị chủ quản mà tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi là thành viên.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký tham gia bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm cấp chứng nhận bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi. Đồng thời Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải đăng trên các báo hàng ngày bằng tiếng Việt 3 (ba) số báo liên tiếp (ít nhất trên một tờ báo Trung ương hoặc một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch của tổ chức được cấp chứng nhận bảo hiểm tiền gửi);

7. Chứng nhận bảo hiểm tiền gửi phải được niêm yết công khai. Nghiêm cấm tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi làm giả, tẩy xóa, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn chứng nhận bảo hiểm tiền gửi.

8. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có một trong các thay đổi dưới đây, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải gửi văn bản chấp thuận thay đổi (bản sao có công chứng) cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam:

a) Nội dung và phạm vi hoạt động;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Điều lệ tổ chức và hoạt động;

d) Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị chủ quản mà tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi là thành viên.

9. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị thu hồi chứng nhận bảo hiểm tiền gửi trong các trường hợp sau:

a) Không nộp đủ phí bảo hiểm quá thời hạn 03 tháng kể từ ngày phải nộp. Trường hợp này Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước để báo cáo và đề nghị có ngay quyết định ngừng huy động tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đó;

b) Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt hoạt động nhận tiền gửi;

c) Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi chấm dứt các giao dịch để tiến hành thanh lý tài sản hoặc Tòa án thông báo quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản.

10. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi chứng nhận bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải thu hồi chứng nhận bảo hiểm tiền gửi và thông báo trên các báo hàng ngày bằng tiếng Việt 03 (ba) số báo liên tiếp (ít nhất trên một tờ báo Trung ương hoặc một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch của tổ chức bị thu hồi chứng nhận bảo hiểm tiền gửi).

11. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị thu hồi chứng nhận bảo hiểm tiền gửi có thể được phục hồi việc tham gia bảo hiểm tiền gửi và được cấp lại chứng nhận bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp nộp đủ phí bảo hiểm theo quy định hoặc đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép phục hồi việc nhận tiền gửi. Trường hợp này tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có văn bản đề nghị được phục hồi việc tham gia bảo hiểm tiền gửi cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và có trách nhiệm thông báo việc cấp lại chứng nhận bảo hiểm tiền gửi trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Khoản 6 Thông tư này.

12. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chịu trách nhiệm bảo hiểm đối với số tiền gửi đã được bảo hiểm trong 06 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi chứng nhận bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Mục 3

PHÍ BẢO HIỂM TIỀN GỬI

13. Hàng năm, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam một khoản phí bằng 0,15%/năm tính trên toàn bộ số dư tiền gửi bình quân

của các loại tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

14. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hướng dẫn các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi việc lập bảng tính và nộp phí bảo hiểm tiền gửi theo các quy định về nộp phí bảo hiểm, như sau:

a) Phí bảo hiểm tiền gửi được tính và nộp làm bốn kỳ trong một năm theo định kỳ hàng quý và được nộp vào tài khoản của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chậm nhất vào ngày 20 tháng đầu tiên của quý thu phí bảo hiểm tiền gửi.

b) Cơ sở tính phí bảo hiểm tiền gửi là toàn bộ số dư tiền gửi bình quân của các loại tiền gửi được bảo hiểm của quý trước quý nộp phí bảo hiểm tiền gửi.

c) Số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp cho mỗi quý tính bằng công thức sau đây:



Trong đó:

- P là số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp trong quý

- S_0 là số dư tiền gửi thuộc đối tượng bảo hiểm đầu tháng thứ nhất của quý trước quý thu phí bảo hiểm tiền gửi.

- S_1, S_2, S_3 là số dư tiền gửi thuộc đối tượng bảo hiểm ở cuối các tháng thứ nhất, thứ hai, thứ ba của quý trước sát với quý thu phí bảo hiểm tiền gửi;



- là tỉ lệ phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp cho một quý trong năm;

Số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp được tính làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

d) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra tình hình nộp phí bảo hiểm tiền gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, nếu phát hiện thấy có sự thiếu chính xác trong việc tính và nộp phí, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm truy thu số phí còn thiếu hoặc thoái thu đối với số phí nộp thừa trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phát hiện. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vi phạm thời hạn nộp phí bảo hiểm theo quy định thì ngoài việc nộp đủ số phí còn thiếu, phải chịu phạt mỗi ngày nộp chậm bằng 0,1% (một phần nghìn) số tiền chậm nộp.